

Bản án số: **306/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 30/10/2024

*“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Đình Đạt

Ông Hoàng Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 30/10/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 260/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/10/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Hồng T, sinh năm 1991 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, đường X, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

*** Bị đơn:** Anh Hoàng H, sinh năm 1992 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số C đường P, D P, huyện L, Cộng hòa S.

- Người đại diện nhận văn bản tố tụng của anh Hoàng H: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1991; Địa chỉ: số nhà I, ngõ A đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Phạm Hồng T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng H kết hôn với nhau ngày 05/6/2015 và đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh B. Sau khi kết hôn, anh chị sang C Séc sinh sống, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và đã có 03 con chung. Tuy nhiên từ năm 2018, giữa vợ chồng đã bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Do đó chị đã đưa các con về Việt Nam sinh sống. Từ năm 2022

đến nay, giữa chị và anh Hoàng H đã không còn quan tâm đến nhau, không còn liên lạc với nhau nữa, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Hoàng H được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 03/8/2015, Phạm M, sinh ngày 31/10/2017 và cháu Phạm Duy H1, sinh ngày 15/12/2018. Hiện nay các cháu đang ở cùng chị, khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả ba con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn là anh Hoàng H có văn bản trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 03/8/2015, Phạm M, sinh ngày 31/10/2017 và cháu Phạm Duy H1, sinh ngày 15/12/2018. Hiện nay các cháu đều đang ở cùng chị T nên anh đồng ý giao cả ba cháu cho chị T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Cháu Phạm Bảo N và cháu Phạm M đều có ý kiến trình bày nguyện vọng được ở cùng mẹ T.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T và anh H đều xin vắng mặt giữ nguyên ý kiến. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 1, 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Hồng T. Xử:

Cho chị Phạm Hồng T được ly hôn anh Hoàng H.

Về con chung: Giao cháu Phạm Bảo N, cháu Phạm M và cháu Phạm Duy H1 cho chị Phạm Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: chị Phạm Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Phạm Hồng T có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, trách nhiệm nuôi con chung với anh Hoàng H. Bị đơn anh Hoàng H có hộ khẩu tại tỉnh Bắc Giang và hiện đang sinh sống tại Cộng hòa S. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn được xác định là đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị T và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Hồng T và anh Hoàng H và kết hôn với nhau ngày 08/6/2015 và đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh B, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh H. Xem xét đơn khởi kiện của chị T1, HĐXX thấy: chị T xác định hiện nay vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân với nhau. Anh H hiện nay đang ở nước ngoài, vợ chồng xa cách và anh cũng có ý kiến vợ chồng đã mâu thuẫn, sống ly thân và không còn tình cảm, đồng ý ly hôn với chị T. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh H.

[4]. Về con chung: chị T và anh H có 03 con chung là cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 03/8/2015, Phạm M, sinh ngày 31/10/2017 và cháu Phạm Duy H1, sinh ngày 15/12/2018. Hiện nay cả ba cháu đều đang sinh sống cùng chị T tại Việt Nam. Chị T có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung; anh H đang sinh sống ở nước ngoài cũng có văn bản đồng ý giao cả ba cháu cho chị T nuôi dưỡng. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của các cháu cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu N, cháu M và cháu H1 cho chị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt

ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): các đương sự không đề nghị nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Phạm Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273, khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Hồng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Hồng T được ly hôn anh Hoàng H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 03/8/2015, Phạm M, sinh ngày 31/10/2017 và cháu Phạm Duy H1, sinh ngày 15/12/2018 cho chị Phạm Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Phạm Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000097 ngày 09/10/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Hoàng H hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Phạm Hồng T cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hương